|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐẮK LẮK** Số: /BC-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Đắk Lắk, ngày tháng 11 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

##### Tổng kết niên vụ cà phê 2018 - 2019

**và kế hoạch niên vụ cà phê 2019 - 2020**

##### TÌNH HÌNH CHUNG

Cà phê là sản phẩm nông nghiệp chủ lực trong cơ cấu nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk, là sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm xã hội và kim ngạch xuất khẩu hàng năm của tỉnh, cà phê ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu nhập của đại đa số người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Ngành sản xuất cà phê tại Đắk Lắk đã tạo công ăn việc làm ổn định cho trên 300.000 người trực tiếp sản xuất và gần 200.000 người có liên quan đến cây cà phê. Hiện tại và trong nhiều năm đến, cây cà phê vẫn giữ một vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh Đắk Lắk. Sự phát triển bền vững của ngành cà phê gắn liền với sự phát triển kinh tế xã hội và ổn định chính trị xã hội của tỉnh Đắk Lắk.

Với diện tích 203.063 ha, sản lượng đạt trên 470.000 tấn cà phê nhân/năm, Đắk Lắk là tỉnh sản xuất cà phê lớn nhất của cả nước. Cây cà phê không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế – xã hội mà còn có ý nghĩa to lớn về văn hóa du lịch. Quá trình phát triển ngành cà phê kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, văn hóa bản địa, đã thu hút ngày càng tăng lượng du khách đến thăm quan du lịch tại Đắk Lắk.

Nhận thức được vai trò to lớn của ngành hàng sản xuất cà phê đối với sự ổn định và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Ngay từ năm 2008 Tỉnh ủy Đắk Lắk (khóa XIV) đã ban hành Nghị quyết 08/NQ-TU về “Phát triển cà phê bền vững trong thời kỳ mới”, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết 24/2017/NQ-HDND và Ủy ban Nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã ban hành Quyết định số 2811/QĐ-UBND về việc phát triển cà phê bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Đến nay, đã đạt được một số kết quả bước đầu, song so với mục tiêu và yêu cầu đặt ra của thực tiễn sản xuất vẫn chưa đáp ứng được và cần phải có sự nỗ lực hơn nữa của ngành hàng cà phê, để tiếp tục phát triển cà phê bền vững trong thời gian tới, nhằm tạo dựng một ngành hàng mang tính cạnh tranh cao.

Với sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, các ngành, các cấp trong tỉnh, niên vụ cà phê 2018-2019 đạt kết quả như sau:

**I. Tình hình sản xuất, chế biến cà phê niên vụ 2018-2019:**

1. **Tình hình sản xuất:**

*Về diện tích cà phê:*

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, diện tích cà phê niên vụ 2018-2019 là 203.063 ha, giảm 1.745 ha so với niên vụ trước, trong đó diện tích cho sản phẩm 187.940 ha, tăng 661 ha so với niên vụ 2017-2018, năng suất bình quân đạt 25,44 tạ/ha, tăng 0,89 tạ/ha, tổng sản lượng ước đạt 478.083 tấn, tăng 18.298 tấn so với niên vụ trước.

Diện tích cà phê giảm so với niên vụ cà phê 2017- 2018 do một số nguyên nhân sau: hiện nay do giá cà phê ở mức thấp, người dân chuyển dần một số diện tích cà phê già cỗi sang trồng các loại cây ăn quả như bơ, sầu riêng có giá trị kinh tế cao hơn. Bên cạnh đó, diện tích cà phê ở những vùng không phù hợp hoặc không đủ nguồn nước các hộ dân cũng đã chủ động chuyển sang trồng các loại cây trồng khác.

*Thực trạng sản xuất cà phê hiện nay trên địa bàn tỉnh đang diễn ra đó là*: Hình thức tổ chức sản xuất cà phê chủ yếu là sản xuất cá thể, quy mô nhỏ lẻ, manh mún. Hiện chỉ có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh do các Công ty thuộc Tổng công ty cà phê Việt Nam, các Công ty cà phê thuộc tỉnh Đăk Lắk và doanh nghiệp quản lý, còn lại gần 90% diện tích cà phê của tỉnh là do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý. Việc cải tạo, tái canh cây cà phê già cỗi, sâu bệnh, chất lượng kém đang gặp khó khăn vì cần thực hiện quy trình kỹ thuật chặt chẽ, nghiêm ngặt và cần có thời gian, vốn đầu tư lớn. Tình trạng thu hái quả cà phê xanh diễn ra phổ biến, khâu chế biến còn bất cập, thiếu gắn kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ, một số doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn chưa quan tâm nhiều đến phát triển vùng nguyên liệu.

*Về tái canh cà phê:*

Sau 05 năm thực hiện chương trình tái canh cà phê, với kết quả đạt 31.232 ha/41.587 ha kế hoạch, đạt 75,10%, trong đó niên vụ cà phê 2018-2019 thực hiện 4.324 ha/6.953 ha kế hoạch đạt 62,18%.

Nhìn chung, diện tích cà phê tái canh được quản lý tốt về giống và kỹ thuật nên năng suất bình quân đạt 27,84 tạ/ha, tăng khoảng 2,4 tạ/ha so với năng suất cà phê hiện có trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, qua kết quả thực hiện tái canh cà phê, cho thấy diện tích tái canh cà phê không đạt so với kế hoạch của tỉnh, do các nguyên nhân sau: phần lớn diện tích cà phê cần tái canh là của nông hộ, vườn cây là nguồn thu nhập chính do đó việc tái canh một lần sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu nhập và đời sống của các hộ gia đình trong thời gian dài. Chính vì thế các hộ dân chưa mạnh dạn trong việc thực hiện tái canh cà phê. Bên cạnh đó, với giá cả của một số loại cây ăn quả tăng cao như bơ, sầu riêng thì người dân cũng không mặn mà thực hiện tái canh trên diện tích cà phê bị nhổ bỏ, mà se chuyển sang trồng các loại cây trồng khác như sầu riêng, bơ và một số loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn. Mặt khác giá cả thị trường cà phê không ổn định cũng là nguyên nhân làm cho diện tích tái canh cà phê giảm.

*Công tác hỗ trợ giống tái canh:* đồng hành cùng với Chương trình tái canh cà phê của tỉnh, Thông qua Chương trình Hợp tác Công tư (PPP), niên vụ cà phê năm 2018-2019 Công ty TNHH Nestlé Việt Nam đã hỗ trợ cho bà con nông dân khoảng 3.000.000 cây giống với 4.271 nông dân đăng ký nhận cây.

*Về sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận*

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 04 loại hình cà phê chứng nhận phổ biến gồm: 4C (bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certifed, RFA (Rừng nhiệt đới) và FLO (Thương mại công bằng), cụ thể như sau:

*Chứng nhận UTZ*: Theo báo cáo của tổ chức chứng nhận UTZ, tính đến ngày 30/6/2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 30 đơn vị chứng nhận cà phê theo tiêu chuẩn UTZ (tăng 01 đơn vị so với năm 2018), trong đó có 9 đơn vị được chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu (không tăng giảm so với năm 2018); 04 đơn vị được chứng nhận nhà máy rang xay và 17 đơn vị tham gia sản xuất cà phê có chứng nhận UTZ với tổng số 11.296 nông hộ (giảm 376 nông hộ so với 2018), tổng diện tích 13.713,24 ha (giảm 2.281,54 ha so với năm 2018) và tổng sản lượng 49.979,63 tấn (giảm 7.934,72 tấn so với năm 2018).

*Chứng nhận 4C*: hiện nay trên địa bàn tỉnh có 11 đơn vị được sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn 4C với tổng diện tích là 26.091 ha, sản lượng 94.357 tấn với 18.450 nông hộ tham gia;

*Chứng nhận RFA:* Trong 12 đơn vị được cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột, có 3 đơn vị sản xuất cà phê có chứng nhận RFA với diện tích 5.123 ha và 2.771 nông hộ tham gia với tổng sản lượng đăng ký 12.719 tấn và tổng sản lượng thương mại 2.000 tấn (chiếm tỷ lệ 15,72% so với sản lượng đăng ký) với giá tăng thêm khoảng 300 - 400 đ/kg so với giá thị trường.

*Chứng nhận Fairtrade:* Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 6 Hợp tác xã sản xuất cà phê chứng nhận FLO với tổng diện tích 747,2 ha; 447 nông hộ tham gia với tổng sản lượng đăng ký 3.255,9 tấn và tổng sản lượng thương mại là 2.249 tấn (chiếm tỷ lệ 69,07% so với tổng sản lượng đăng ký) với giá tăng thêm từ 9.000 – 12.000 đ/kg so với giá thị trường, phần chênh lệch này dành cho phúc lợi xã hội.

Như vậy đến nay tổng diện tích cà phê được áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận là 45.674,44 ha, chiếm khoảng 22,49% diện tích cà phê toàn tỉnh.

*Mô hình trồng xen trong vườn cà phê*

Bên cạnh đó, các mô hình trồng xen cây ăn quả (sầu riêng, bơ), hồ tiêu, điều… trong vườn cà phê tái canh hiện nay đang được các hộ dân áp dụng. Với diện tích trồng xen trong vườn cà phê là 39.077ha/ 203.063 ha cà phê chiếm 19,24%, trong đó cà phê – hồ tiêu là 19.907 ha chiếm 50,94% diện tích cây trồng xen, cà phê – sầu riêng là 3.273 ha, cà phê – bơ là 8.378 ha, cà phê - điều là 469 ha và xen với loại cây trồng khác là 7.050 ha. Trong điều kiện sản xuất như hiện nay, việc trồng xen trong vườn cà phê đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác, giúp sản xuất mang tính bền vững.

*Về hệ thống thủy lợi phục vụ cho cây cà phê*

Cây cà phê có nhu cầu tưới rất lớn để đảm bảo thâm canh và sản xuất bền vững. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 782 công trình thủy lợi (gồm 607 hồ chứa, 118 đập dâng, 57 trạm bơm); Tổng chiều dài kênh mương 2.031,71 km, đã kiên cố hóa được 1.228,83 km kênh mương các loại.

Diện tích cà phê hiện có của tỉnh là 203.063 ha, trong đó diện tích tưới được hỗ trợ tiền, dịch vụ sử dụng giá sản phẩm công ích thủy lợi năm 2019 được tưới từ công trình thủy lợi 36.722 ha; diện tích được tưới từ các hồ chứa của các công ty cà phê, công an, bộ đội, sông suối, ao hồ do tạo nguồn và nước ngầm là 166.341 ha. Ngoài ra toàn tỉnh có 70,8 ha diện tích cà phê được áp dụng công nghê tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Việc không chủ động nguồn nước tưới cho cà phê đã làm cho sản xuất cà phê thiếu tính bền vững, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu đã và đang xảy ra làm gia tăng tình trạng suy thoái nguồn nước, dẫn đến nguy cơ thiếu nước tưới cho nông nghiệp, đặc biệt là cây cà phê. Để góp phần đảm bảo cho sản xuất cà phê Đăk Lăk mang tính bền vững thì việc đầu tư xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi phục vụ tưới cho cà phê trong thời gian tới hết sức cấp thiết.

**2. Tình hình chế biến:**

Đắk Lắk hiện có 295 cơ sở chế biến cà phê, giảm 04 cơ cơ sở so niên vụ cà phê 2017-2018, trong đó 95 cơ sở chế biến cà phê nhân, 200 cơ sở chế biến cà phê bột (03 Doanh nghiệp FDI: Công ty TNHH Đak Man, Công ty TNHH Olam tại Đắk Lắk và Công ty TNHH cà phê Hà Lan Việt Nam), 02 cơ sở chế biến cà phê hòa tan (Công ty TNHH Cà phê Ngon và Công ty Cổ phần đầu tư & Phát triển An Thái) với số lượng cà phê chế biến 09 tháng đầu năm 2019 (cả chế biến cà phê nhân, cà phê bột và cà phê hòa tan) đạt 331.360, cụ thể:

+ Cà phê nhân sản lượng đạt 304.000 tấn/ 389.000 tấn kế hoạch, đạt 78,15% so với kế hoạch năm và đạt 104% so với cùng kỳ năm 2018;

+ Cà phê bột đạt 23.000 tấn/ 27.500 tấn kế hoạch, đạt 83,64% so với kế hoạch năm và đạt 117% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Cà phê hòa tan **đạt 4.360 tấn/ 6.500 tấn, đạt 67,07% kế hoạch.**

**Trên địa bàn tỉnh hoạt động chế biến cà phê chủ yếu là chế biến ướt và chế biến khô,** công nghệ chế biến cà phê nhân theo công nghệ khô dùng để chế biến cà phê Robusta (chế biến khô đơn giản, có khả năng tạo ra sản phẩm chất lượng cao), công nghệ ướt dùng để chế biến cà phê nhân từ nguyên liệu cà phê tươi (chế biến ướt tạp chất và quả xanh non được loại ngay từ đầu, chất lượng tốt và đồng đều). Tuy nhiên, đa phần các cơ sở chế biến cà phê hiện nay hoạt động với quy mô nhỏ, chế biến khô với trang thiết bị máy móc đơn giản (01 máy rang, 01 máy xay, 01 máy đóng gói), chỉ có một số cơ sở đầu tư với quy mô và công suất lớn, sử dụng máy móc hiện đại như: Công ty Cổ phần cà phê Trung Nguyên, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thái, Công ty TNHH Mehyco, cơ sở cà phê bột

Nhìn chung tình hình chế biến sản phẩm cà phê tương đối ổn định, hiện nay đa phần các cơ sở chế biến cà phê nguyên chất theo hướng hữu cơ, cà phê sạch theo nhu cầu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế và khó khăn nhất định như: cơ sở chế biến quy mô nhỏ, thiết bị và công nghệ của các doanh nghiệp lạc hậu, nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu. Hàng hoá chưa đa dạng, chất lượng chưa được chú trọng và sức cạnh tranh còn hạn chế. Các sản phẩm truyền thống cà phê chưa thực sự ổn định và bền vững. Khi các mặt hàng chủ lực này bị mất giá trên thị trường sẽ ảnh hưởng tới mọi mặt đời sống kinh tế của người dân.

**3. Tình hình hỗ trợ vốn vay đối với cà phê**

Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk, doanh số cho vay cà phê *(bao gồm trồng mới, chăm sóc, thu mua)* niên vụ 2018 – 2019 bình quân đạt 15.200 tỷ đồng.

- Dư nợ cho vay cà phê bình quân niên vụ (2018- 2019) đạt 20.300 tỷ đồng, thời điểm cao nhất dư nợ đạt 21.500 tỷ đồng, thời điểm thấp nhất dư nợ đạt 17.300 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ bình quân cho vay trồng trọt đạt 15.200 tỷ; thu mua, tiêu thụ đạt 4.400 tỷ đồng; chế biến, bảo quản đạt 700 tỷ đồng. Vào chính vụ (từ tháng 1-4) dư nợ cho vay thu mua cà phê đạt mức cao trên 5.400 tỷ đồng.

+ Đến tháng 10/2019, dư nợ cho vay cà phê đạt 20.100 tỷ đồng, chiếm 22,85% tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn tỉnh, với 124.950 khách hàng còn dư nợ. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 12.050 tỷ đồng (chiếm 59,95% dư nợ cho vay cà phê), cho vay trung hạn đạt 8.050 tỷ đồng (chiếm 40,05% dư nợ cho vay cà phê).

+ Dư nợ cho vay tái canh cà phê đạt 1.954 tỷ đồng với 7.730 khách hàng còn dư nợ, diện tích tái canh theo hợp đồng là 4.579 ha.

**II. Tình hình kinh doanh, xuất khẩu cà phê niên vụ 2018-2019:**

**1. Hoạt động xúc tiến thương mại**

Tổ chức Hội chợ triển lãm chuyên ngành cà phê trong khuôn khổ Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 năm 2019 từ ngày 09-13/3/2019. Có 230 đơn vị tham gia hội chợ với 800 gian hàng, trong đó: 54 nhà tài trợ với 300 gian hàng, 51 doanh nghiệp cà phê với 170 gian hàng, 107 doanh nghiệp phụ trợ cà phê với 265 gian hàng, doanh nghiệp nước ngoài với 65 gian hàng. Tổng cộng có khoảng 240.000 lượt khách tham quan, mua sắm tại Hội chợ, bình quân có khoảng 40.000 lượt khách/ngày. Trong quá trình diễn ra hội chợ đã có hàng trăm biên bản ghi nhớ hợp tác được ký kết giữa các doanh nghiệp nhằm làm tiền đề cho các hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ trong tương lai.

Trong niên vụ cà phê 2018-2019, các hoạt động xúc tiến thương mại đối với ngành hàng cà phê, bao gồm:

Hỗ trợ cho 02 doanh nghiệp chế biến cà phê tham gia Hội chợ thực phẩm lên men tại Jeollabuk – Hàn Quốc từ ngày 24-30/10/2018.

Tham gia đoàn công tác của tỉnh tham dự chương trình “Quảng bá địa phương” tại Nhật Bản từ ngày 03-11/11/2018, trong đó thực hiện việc quảng bá các sản phẩm thế mạnh của địa phương, chủ lực là cà phê Robusta.

Cùng với đó đã tổ chức hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến cà phê có nhu cầu tham gia các hội chợ triển lãm chuyên ngành, khu vực hay các chương trình kết nối giao thương với các địa phương trong nước để đẩy mạnh tiêu thụ nội địa. Nhiều sản phẩm cà phê chế biến của các doanh nghiệp trong tỉnh đã có mặt ở khắp các tỉnh thành trong cả nước, đặc biệt là sản phẩm cà phê rang xay nguyên chất được nhiều khách hàng ở các địa phương như Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng… ưa chuộng.

**2. Hoạt động kinh doanh, xuất khẩu**

**2.1. Giá cà phê**

**a) Giá mua cà phê**

Giá cà phê nhân xô bình quân trên địa bàn tỉnh trong niên vụ 2018-2019 là 33.522 đồng/kg (giảm 8,4% so với giá bình quân niên vụ 2017-2018 là 36.595 đồng/kg). Thời điểm giá mua cao nhất vào tháng 10/2018 đạt trung bình 36.193 đồng/kg trong đó ngày có giá mua cao nhất 37.800 đồng/kg (ngày 18/10/2018); tháng 5/2019 có giá mua trung bình thấp nhất chỉ ở mức 31.323 đồng/kg, ngày có giá mua thấp nhất trong niên vụ là 29.800 đồng/kg (ngày 9/5/2019).

*Biểu đồ giá mua cà phê nhân xô bình quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*

*(Nguồn: Sở Công Thương)*

**b) Giá xuất khẩu**

- Giá cà phê Robusta trên thị trường London trong niên vụ 2018-2019 bình quân là 1.470 USD/tấn, giảm 15,37% so với giá trung bình của niên vụ 2017-2018 là 1.737 USD/tấn. Mức giá chào mua thấp trên thị trường London chủ yếu là do nguồn cung dồi dào và những biến động của thị trường hàng hóa ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc chưa có hồi kết.

- Trong niên vụ 2018-2019 giá FOB tại T/p Hồ Chí Minh từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2019 được chào mua với mức trừ lùi từ 45-100 USD/tấn; đến tháng 7/2019 thì giá FOB gần như tương đương với giá tại thị trường London, và trong 2 tháng cuối cùng của niên vụ giá FOB đã được cộng thêm so với mức giá tại London từ 70-200 USD/tấn, nhất là tại thời điểm đầu tháng 9/2019, đã được cộng thêm đến 200 USD/tấn giúp giá FOB trung bình của cả niên vụ đạt bình quân 1.437 USD/tấn, không quá thấp so với giá tại thị trường London.

*Biểu đồ giá cà phê trên thị trường London và giá FOB niên vụ 2017-2018*

- Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân của các doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk trong niên vụ đạt 1.550 USD/tấn, giảm 260 USD/tấn so với niên vụ trước.

*Biểu đồ: Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân qua các niên vụ gần đây.*

**2.2 Tình hình xuất khẩu:**

**a) Số lượng và kim ngạch xuất khẩu**

Theo số liệu của Tổng Cục Hải quan Việt Nam niên vụ 2018-2019 tổng lượng cà phê xuất khẩu của cả nước đạt 1,696 triệu tấn, kim ngạch đạt 2,961 tỷ USD, giảm 5,5% về lượng và giảm 15,1% về giá trị so với niên vụ trước. Trong đó tổng lượng cà phê xuất khẩu của tỉnh Đắk Lắk là 189.252 tấn, chiếm tỷ lệ 11,2%, kim ngạch đạt 314,512 triệu USD chiếm tỷ lệ 10,6% so với cả nước. So với niên vụ 2017-2018 thì tỷ trọng xuất khẩu cà phê của tỉnh Đắk Lắk so với cả nước đều tăng cả về lượng và kim ngạch.

- Xuất khẩu cà phê nhân trong niên vụ 2018-2019 đạt 184.252 tấn, giảm 3,6%, kim ngạch đạt 285,728 triệu USD giảm đến 21,7% so với niên vụ trước.

- Xuất khẩu cà phê hòa tan đạt 5.000 tấn (tương đương với 15.000 tấn cà phê nhân); kim ngạch đạt 28,785 triệu USD, chiếm tỷ lệ 9,14% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh. So với niên vụ cà phê 2017-2018 số lượng cà phê hòa tan xuất khẩu tăng 15,5% và kim ngạch tăng 7,1%. So với cà phê nhân thì xuất khẩu cà phê hòa tan và các sản phẩm cà phê chế biến khác vẫn chiếm tỷ lệ thấp, chưa mang lại nhiều giá trị gia tăng cho hạt cà phê Đắk Lắk.

Hiện tại, tỉnh Đắk Lắk vẫn chỉ có 11 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu cà phê, trong đó có 07 doanh nghiệp địa phương, 03 doanh nghiệp FDI và 01 chi nhánh của doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Chi nhánh Công ty CP tập đoàn Intimex - Buôn Ma Thuột). Số lượng cà phê xuất khẩu chủ yếu tập trung vào một số doanh nghiệp lớn như: Công ty TNHH một thành viên XNK 2/9 Đắk Lắk, Công ty TNHH Dakman Việt Nam, Chi nhánh Công ty CP tập đoàn Intimex - Buôn Ma Thuột và Công ty TNHH cà phê Hà Lan - Việt Nam. Trong đó, Công ty TNHH một thành viên XNK 2-9 tiếp tục là đơn vị dẫn đầu trên địa bàn tỉnh về xuất khẩu cà phê với 85.443 tấn, đạt kim ngạch 133,572 triệu USD; tiếp đến là Công ty TNHH Dakman Việt Nam với lượng cà phê xuất khẩu đạt 39.402 tấn, kim ngạch 62,989 triệu USD. Ngoài ra có 02 doanh nghiệp chuyên chế biến và xuất khẩu cà phê hòa tan là Công ty TNHH cà phê Ngon và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển An Thái.

*Biểu đồ: xuất khẩu cà phê của tỉnh Đắk Lắk trong các niên vụ gần đây*

**b) Thị trường xuất khẩu**

Trong niên vụ 2018-2019, cà phê Đắk Lắk xuất khẩu đến 58 thị trường, trong đó thị trường Nhật Bản tiếp tục là thị trường lớn nhất của cà phê Đắk Lắk với kim ngạch 40,81 triệu USD (nhưng so với niên vụ trước thị trường này đã giảm tới 33,5% về kim ngạch), tiếp sau là thị trường Đức với kim ngạch 29,355 triệu USD... Có 30 thị trường đạt kim ngạch trên 01 triệu USD, trong đó có 11 thị trường đạt kim ngạch trên 10 triệu USD.

Đối với cà phê hòa tan, hiện nay mới chỉ xuất khẩu đến 12 thị trường, trong đó Israel và Ấn Độ là 2 thị trường lớn nhất với kim ngạch lần lượt đạt 9,157 triệu USD và 6,868 triệu USD.

Nhìn chung cà phê Đắk Lắk vẫn tập trung xuất khẩu sang các thị trường truyền thống lâu nay như Đức, Mỹ, Nhật Bản, Italia…nhưng đã có sự sụt giảm đáng kể. Thị trường Mỹ, Nga, Hàn Quốc trong niên vụ 2018-2019 đều đã rơi khỏi top 10 thị trường lớn nhất. Trong đó so với niên vụ 2017-2018, thị trường Mỹ giảm từ 22,69 triệu USD xuống còn 8,991 triệu USD; thị trường Nga giảm từ 15,517 triệu USD xuống chỉ còn 5,215 triệu USD. Ngoài ra do tình hình bất ổn tại khu vực Trung Đông nên lượng cà phê xuất khẩu qua khu vực này giảm so với các niên vụ trước.

*Top 10 thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất niên vụ 2018-2019*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thị trường** | **Niên vụ 2018-2019** | |
| **Số lượng (Tấn)** | **Kim ngạch (1.000 USD)** |
| 1 | Nhật Bản | 25.416 | 40.810 |
| 2 | Đức | 19.773 | 29.355 |
| 3 | Thụy Sĩ | 17.571 | 27.954 |
| 4 | Italia | 10.876 | 19.320 |
| 5 | Tây Ban Nha | 11.210 | 16.949 |
| 6 | Ấn Độ | 8.238 | 16.708 |
| 7 | Indonesia | 8.275 | 13.067 |
| 8 | Algeria | 7.028 | 11.618 |
| 9 | Malaysia | 7.049 | 10.832 |
| 10 | Bỉ | 6.461 | 10.252 |
| **Tổng cộng** | | **121.897** | **196.865** |

**III. Tình hình cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý và bảo hộ thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột:**

**1. Thông tin chung**

“Buôn Ma Thuột” sử dụng cho cà phê Robusta là tên được đăng bạ tên gọi xuất xứ hàng hóa (bây giờ gọi là Chỉ dẫn địa lý) tại Việt Nam theo Quyết định số 806/QĐ-SHTT ngày 14/10/2005.

Khu vực chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột có tổng diện tích là 107.505 ha, trên các huyện Ea H’Leo, Krông Búk, thị xã Buôn Hồ, Krông Păk, Krông Ana, Cư Kuin, Cư M’gar, thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Krông Năng.

**2. Cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý**

Đến tháng 10/2019, Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đối với sản phẩm cà phê nhân Robusta cho 12 công ty, hợp tác xã với tổng diện tích 15.612,70 ha, sản lượng đăng ký 48.691 tấn/năm. Trong năm 2019, Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột (sửa đổi, bổ sung) cho 02 doanh nghiệp (Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk, công ty cổ phần cà phê Phước An).

Tính lũy kế từ năm 2013 đến năm 2018 thì cà phê nhân mang CDĐL Buôn Ma Thuột đã xuất khẩu được khoảng 22.200 tấn.

Năm 2017 và 2018 Công ty cổ phần cà phê Phước An đã giao dịch thành công 02 hợp đồng bán cà phê nhân mang thương hiệu CDĐL Buôn Ma Thuột cho 01 nhà rang xay tại Thành phố Hồ Chí Minh sản lượng 20 tấn.

Trong 02 năm kết nối những đơn vị sản xuất, thương mại cung ứng cà phê nhân có CDĐL (Công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk, Công ty TNHH Dak Man Việt Nam, Công ty TNHH MTV cà phê Ea Pốk,…) với các nhà rang xay trong nước(tại Đắk Lắk, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đà Nẵng…) số lượng cà phê nhân đã cung ứng khoảng 4.513 tấn*.* Riêng năm 2018 sản lượng cà phê nhân có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột được tiêu thụ nội địa khoảng 540 tấn.

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê nhân mang CDĐL Buôn Ma Thuột tham gia thị trường cà phê đặc sản, Công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk đã triển khai sản xuất cà phê “Fine Robusta Buôn Ma Thuột” tại Hợp tác xã Ea Tân – huyện Krông Năng với sản lượng hàng năm khoảng 30 tấn, xuất khẩu khoảng 15 tấn với giá tăng thêm khoảng 40% so với giá thị trường và người nông dân được công ty trả với giá cộng thêm khoảng 10.000 đ/kg. Đây là hướng đi mới nhằm nâng cao giá trị thương hiệu cho cà phê nhân mang CDĐL Buôn Ma Thuột.

3**. Cà phê rang xay có sử dụng Logo CDĐL**

Sau hơn 3 năm đi vào hoạt động và triển khai sử dụng Logo Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột trên sản phẩm cà phê rang xay, theo báo cáo của Chi hội rang xay cà phê Buôn Ma Thuột đến nay đã có 17/35 hội viên được Hiệp hội cấp quyền sử dụng logo chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột, tuy vậy chỉ 13 đơn vị sử dụng lô gô cho 14 dòng sản phẩm cà phê rang xay. Còn 4 đơn vị chưa sử dụng gồm *Công ty TNHH TMVD Mehyco, Chi nhánh công ty CP XNK Intimex Buôn Ma Thuột, Công ty CP Vina Café Biên Hòa, Doanh nghiệp tư nhân TM Minh Dũng* với các nguyên nhân như chưa sử dụng hết bao bì cũ, không sản xuất tiếp dòng sản phẩm đã xin sử dụng lô gô,…

Cà phê nhân sử dụng làm nguyên liệu trong chế biến sâu các sản phẩm mang lôgô đều có nguồn gốc từ các đơn vị sản xuất cà phê nhân được cấp quyền sử dụng CDĐL cà phê BMT. Có khoảng 50% đơn vị sử dụng lôgô dùng nguyên liệu cà phê nhân trực tiếp sản xuất hoặc liên kết sản xuất để chế biến cà phê rang xay. Nói chung, nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu được bảo đảm theo quy chế sử dụng lôgô. Tiêu thụ cà phê rang xay góp phần có ý nghĩa trong việc tiêu thụ cà phê nhân có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột.

Theo thống kê của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột đã có khoảng 150 tấn cà phê rang xay mang thương hiệu (logo) cà phê Buôn Ma Thuột đã được thương mại trên thị trường nội địa trong 3 năm 2016-2018 (trung bình mỗi năm thương mại khoảng 50 tấn) với giá trị tăng thêm khoảng 3 - 5%.

4**. Cà phê đặc sản có Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột**

Cuộc thi “cà phê đặc sản Việt Nam 2019” theo mô hình tổ chức cuộc thi của quốc tế, là sự kiện mới và trọng tâm tại Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 năm 2019, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột được UBND tỉnh Đắk Lắk giao chủ trì thực hiện, nguồn kinh phí xã hội hóa.

Kết quả chung cuộc, đối với cà phê nhân Robusta, trong 18 lô sản phẩm cà phê nhân Robusta đạt tiêu chuẩn đặc sản, có 13 lô sản phẩm của 7 đơn vị thuộc vùng CDĐL Buôn Ma Thuột.

Kết quả cuộc thi giúp cho Hiệp hội có thêm nhiều kinh nghiệm qúy về công tác tổ chức cũng như tiếp tục có định hướng mới phát triển ngành cà phê tỉnh nhà.

**5. Đăng ký bảo hộ quốc tế thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột**

Trong Hiệp định thương mại tự do EU-VN, trong số 38 nông sản phẩm của VN được bảo hộ dưới hình thức CDĐL tại EU có “Buôn Ma Thuột Coffee. Tuy nhiên tất cả các CDĐL này đều phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký và vận hành trong thực tế theo những quy định của EU. CDĐL “Buôn Ma Thuột Coffee” được lựa chọn hỗ trợ đề xúc tiến quá trình này.

Dự án “Sửa đổi, mở rộng phạm vi bảo hộ và hỗ trợ hoàn thiện hệ thống Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột” đã được Bộ Khoa học Công nghệ phê duyệt giao cho Trung tâm phát triển nông thôn (Viện chính sách và chiến lược phát triển nông thôn) là đơn vị chủ trì thực hiện, trong 24 tháng tính từ tháng 1/2019 – 12/2020. Theo đó sẽ xây dựng lại hồ sơ đăng ký, mở rộng phạm vi bảo hộ, xác định đặc thù chất lượng, củng cố vận hành hệ thống kiểm soát, là trong số nhiều công việc chủ yếu phải tích cực triển khai trong thời hạn của dự án.

Nhãn hiệu tập thể “Buon Ma Thuot Coffee” đã được Hiệp hội nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể tại thị trường Nhật Bản nhưng đã bị từ chối do phía Nhật Bản cho rằng nhãn hiệu “Buon Ma Thuot Coffee” không có khả năng phân biệt sảm phẩm, người nộp đơn còn phải chứng minh sản phẩm mang nhãn hiệu “Buon Ma Thuot Coffee” nổi tiếng với người tiêu dùng Nhật Bản. Do đó, trong chương trình hợp tác với Nhật Bản, Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam thỏa thuận với phía Nhật đưa CDĐL cà phê BMT vào các danh mục sản phẩm được xem xét bảo hộ tại Nhật Bản. Hiện nay Hiệp hội đang tích cực phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ để cung cấp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu để đăng ký bảo hộ sang Nhật Bản.

**IV. Tình hình xúc tiến kêu gọi đầu tư:**

Đến nay trên địa bàn tỉnh có 20 dự án đầu tư chế biến cà phê với tổng vốn đầu tư 3.469,6 tỷ đồng, đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc có báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

- Có 04 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành chế biến cà phê với tổng vốn đầu tư 1.462,9 tỷ đồng, gồm: (1) Dự án Liên doanh chế biến cà phê nhân xuất khẩu DakMan - Buôn Ma Thuột của Công ty TNHH Dakman Việt Nam, tổng vốn đầu tư 117,4 tỷ đồng, công suất 50.000 tấn cà phê nhân/năm và 5.000 tấn ca cao/năm; (2) Dự án Nhà máy chế biến cà phê, hạt điều, hồ tiêu và các loại nông sản khác của Công ty TNHH Olam, tổng vốn đầu tư 17,54 tỷ đồng, công suất chế biến cà phê nhân: 40.000 tấn/năm; hạt điều: 4.000 tấn/năm; hạt tiêu: 1.000 tấn/năm; các loại nông sản khác: 100 tấn/năm; (3) Dự án Chế biến xuất khẩu cà phê nhân của Công ty TNHH Cà phê Hà Lan Việt Nam, tổng vốn đầu tư 53 tỷ đồng, công suất 35.000 tấn/năm; (4) Dự án Nhà máy chế biến cà phê hòa tan “Cà phê Ngon” của Công ty TNHH Cà phê Ngon, tổng vốn đầu tư 1.275 tỷ đồng, với công suất sản xuất cà phê hòa tan 10.000 tấn/năm; sản xuất cà phê lỏng 6.000 tấn/năm; mua bán, xuất nhập khẩu cà phê nhân 12.000 tấn/năm.

- Có 16 dự án đầu tư chế biến cà phê với tổng vốn đầu tư 2.006,64 tỷ đồng (trong đó có 08 dự án đi vào hoạt động, 07 dự án đang triển khai xây dựng và 01 dự án đang thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư). Một số dự án tiêu biểu đi vào hoạt động đạt hiệu quả như: Dự án nhà máy chế biến cà phê hòa tan của Công ty cà phê An Thái tại Khu công nghiệp Hòa Phú, với công suất 936 tấn/năm; với vốn đầu tư khoảng 45 tỷ đồng; Dự án Nhà máy chế biến cà phê, nông sản xuất khẩu, cà phê bột của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Intimex tại Cụm Công nghiệp Tân An, với công suất 34.500 tấn/năm, vốn đầu tư 30,8 tỷ đồng; Dự án Nhà máy sơ chế cà phê nhân của Công ty CP cà phê Trung Nguyên tại tại Cụm Công nghiệp Tân An 1, vốn đầu tư 105 tỷ đồng (đã điều chỉnh mục tiêu và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Nhà máy cà phê Trung Nguyên Legend tại Cụm công nghiệp Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột vốn đầu tư 241 tỷ đồng

**V. Đánh giá tình hình niên vụ cà phê 2018-2019:**

**a) Đánh giá chung:**

Niên vụ cà phê 2018-2019 diễn ra trong điều kiện tình hình thị trường cà phê có nhiều biến động, biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết thay đổi thất thường đã tác động đến sản xuất nông nghiệp nói chung và ngành cà phê nói riêng; Công tác thực hiện Kế hoạch tái canh cà phê còn chậm vì sự cạnh tranh của các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn như bơ, sầu riêng.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cà phê, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tích cực tham gia các chương trình sản xuất cà phê bền vững thông qua việc tổ chức tập huấn nông dân về sản xuất cà phê 4C, UTZ, RFA, Fairtraide...

Công tác xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường đã được quan tâm chú trọng, đã xây dựng được thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột gây ấn tượng với bạn bè trong nước và quốc tế, giúp cho việc quảng bá thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, cà phê Việt Nam ra thị trường thế giới.

Chất lượng cà phê xuất khẩu đã được doanh nghiệp quan tâm, đảm bảo được yêu cầu chất lượng cà phê cho xuất khẩu. Xuất khẩu cà phê hòa tan vẫn chiếm tỷ lệ rất nhỏ và chưa đem lại nhiều giá trị gia tăng cho ngành cà phê Đắk Lắk.

Ngoài ra để nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh mặt hàng cà phê của tỉnh, cả người sản xuất và doanh nghiệp cà phê đã đầu tư vốn để chăm sóc, tái canh diện tích cà phê già cỗi cho năng suất thấp, đầu tư máy móc thiết bị chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê trên thị trường.

**b) Một số khó khăn tồn tại:**

Niên vụ cà phê 2018-2019 còn một số tồn tại, khó khăn sau:

Diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp, trái quy luật, nắng nóng, khô hạn, mưa bão, lũ lụt ngày càng bất thường, tình trạng sâu bệnh hại có chiều hướng gia tăng cả về chủng loại và cấp độ.

Sự suy giảm diện tích đất canh tác do đô thị hóa, cùng với suy thoái về chất lượng đất, xói mòn, rửa trôi, bạc màu ngày càng phổ biến. Hệ thống sản xuất cà phê vẫn tiềm ẩn yếu tố kém bền vững do tình trạng sử dụng lãng phí và chưa hợp lý các nguồn tài nguyên, vật tư đầu vào.

Hình thức tổ chức sản xuất cà phê hiện nay của tỉnh chủ yếu là sản xuất nông hộ, quy mô diện tích nhỏ, manh mún. Cơ sở hạ tầng nông thôn yếu kém, vấn đề thiếu sân phơi, nhà kho, thiết bị chế biến, thiếu nhân công nhất là lao động thu hái, chế biến cà phê khi vào vụ thu hoạch… đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm.

Hiện nay giá một số loại cây ăn quả như bơ, sầu riêng ở mức cao nên người dân có khuynh hướng trồng xen và cải tạo dần mà không tái canh toàn bộ diện tích cà phê dẫn đến khó khăn trong việc vay vốn ngân hàng hoặc chặt bỏ cây cà phê chuyển sang trồng cây ăn quả. Biến động giá cà phê, vật tư đầu vào các loại, chi phí vận chuyển liên tục tăng cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người sản xuất cà phê.

Cà phê nhân có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đã có mặt trên thị trường trong nước nhưng số lượng tiêu thụ còn ít. Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm cà phê nói chung và cà phê Buôn Ma Thuột còn hạn chế, chưa có giải pháp cụ thể cho đẩy mạnh xúc tiến thương mại cà phê có chỉ dẫn địa lý cũng như các loại cà phê bền vững có chứng nhận.

Công tác thu hút, mời gọi các dự án đầu tư vào sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng nhưng chưa đồng bộ. Các nhà đầu tư chủ yếu quan tâm đến chế biến thô, giá trị thấp, chưa mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho địa phương cũng như tăng thu nhập cho người nông dân. Việc triển khai chính sách đối với ngành cà phê vẫn còn nhiều bất cập, thiếu thực tiễn, chưa đầy đủ và đồng bộ, dẫn đến khó khăn cho cả doanh nghiệp và người nông dân.

Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm cà phê của tỉnh nói chung vẫn còn hạn chế, chưa có giải pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu cà phê ra thị trường thế giới.

Thiếu sự gắn kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu; nhiều doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cà phê trên địa bàn chưa quan tâm đến phát triển vùng nguyên liệu.

**B. KẾ HOẠCH NIÊN VỤ 2019-2020:**

# I. Tình hình cà phê Thế giới và Việt Nam:

Theo báo cáo thị trường và thương mại thế giới của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) sản lượng cà phê thế giới trong niên vụ 2019-2010 được dự báo sẽ đạt mức 169,1 triệu bao (60 kg), sụt giảm 5,4 triệu bao so với niên vụ trước. USDA cho rằng sự sụt giảm này chủ yếu do vụ cà phê Arabica của Brazil bước vào năm cuối của chu kì sản xuất hai năm một lần, theo Global Coffee Report. Tiêu thụ cà phê toàn cầu đạt mức kỷ lục 167,9 triệu USD, hàng tồn kho cuối kỳ sẽ giảm 2,8 triệu bao, xuống còn 33,5 triệu bao. USDA cũng hạ dự báo khối lượng cà phê xuất khẩu trên thế giới giảm từ 800.000 bao xuống còn 116,8 triệu bao do xuất khẩu từ Brazil thấp hơn nhiều so với các lô hàng từ Indonesia và Việt Nam.

Sản lượng cà phê Arabica của Brazil dự báo giảm 7,2 triệu bao xuống c̣n 41 triệu bao. USDA cho biết mặc dù sản lượng giảm nhưng điều kiện thời tiết tốt chiếm ưu thế ở hầu hết các vùng trồng cà phê trong giai đoạn nở hoa và hình thành quả. Chất lượng cây trồng dự kiến thấp hơn năm ngoái vì cây ở nhiều khu vực đang trong giai đoạn trưởng thành khi vụ thu hoạch diễn ra. Vụ thu hoạch Robusta của Brazil dự báo đạt mức kỉ lục 18,3 triệu bao, tăng 1,7 triệu bao. Lượng mưa dồi dào hỗ trợ sự phát triển của cây trồng ở bang sản xuất chính Espirito Santo, trong khi các biện pháp quản lí cây trồng tốt đã hỗ trợ cho sự gia tăng ổn định ở bang Rondonia. Tuy nhiên, tổng vụ thu hoạch Arabica và Robusta dự kiến giảm 5,5 triệu bao xuống còn 59,3 triệu bao. Với nguồn cung giảm, xuất khẩu cà phê Brazil dự kiến giảm 2,5 triệu bao xuống còn 33,5 triệu và lượng dự trữ cuối năm giảm 1 triệu bao xuống còn 2,9 triệu bao. Lượng tiêu thụ dự kiến tiếp tục tăng lên mức kỉ lục 23,5 triệu bao.

Trong khi đó, tổng sản lượng cà phê của Trung Mỹ và Mexico gần như không thay đổi ở mức 19,1 triệu bao. Sản lượng tại Elsalvador, Guatemala và Panama tương ứng với mức 650.000 bao, 3,6 triệu bao và 100.000 bao. Nicaragua dự báo sản lượng cà phê giảm 200.000 bao xuống còn 2,3 triệu bao. Xuất khẩu cà phê ở khu vực Trung Mỹ và Mexico dự báo giảm 600.000 bao xuống còn 15,5 triệu bao chủ yếu do nguồn cung xuất khẩu thấp hơn ở Honduras. Hơn 45% cà phê của khu vực này được xuất khẩu sang Liên minh châu Âu (EU) và khoảng 1/3 sang Hoa Kỳ.

Sản lượng cà phê của Colombia dự báo ở mức 14,3 triệu bao trong điều kiện tăng trưởng bình thường. Liên đoàn người trồng cà phê quốc gia Colombia (FNC) ước tính kể từ năm 2012, một nửa diện tích trồng cà phê 940.000 ha đã được cải tạo, chủ yếu là các giống chống bệnh rỉ sắt. Nỗ lực này đã tăng năng suất lên gần 1/3, ở mức 18,2 bao/ha và hạ tuổi trung bình của cây cà phê từ 15 năm xuống còn 7 năm.

Sản xuất ở Indonesia sẽ tăng khiêm tốn 100.000 bao lên 10,7 triệu bao với mức tăng chia đều giữa sản lượng Arabica và Robusta. Sản lượng cà phê Robusta dự kiến đạt 9,5 triệu bao trong điều kiện phát triển thuận lợi ở các vùng đất thấp ở phía Nam Sumatra và Java, nơi có 75% tổng diện tích dành cho canh tác cà phê. Mặc dù lượng mưa lớn ở phía Tây Java đã làm trì hoãn vụ thu hoạch arabica, USDA dự kiến xuất khẩu khu vực này sẽ tăng nhẹ.

Khối lượng cà phê nhập khẩu của EU dự báo giảm 500.000 bao xuống còn 48,5 triệu bao và chiếm hơn 40% lượng nhập khẩu cà phê thế giới, trong đó các nhà cung cấp hàng đầu gồm Brazil chiếm 29%, Việt Nam 25%, Honduras 8% và Colombia 6%. Lượng dự trữ cuối kì dự kiến giảm 700.000 bao xuống còn 13,1 triệu bao.

Mỹ là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới và dự báo nhập khẩu tăng 400.000 bao lên 26,5 triệu bao. Các nhà cung cấp hàng đầu gồm Brazil ở mức 24%, Colombia 22%, Việt Nam 15% và Guatemala 6%. Khối lượng hàng tồn kho cuối kì dự báo tăng 200.000 bao lên 6,9 triệu bao.

USDA dự báo sản lượng cà phê của Việt Nam tăng thêm 100.000 bao so với năm ngoái với mức kỉ lục 30,5 triệu bao. Trong 4 tháng đầu năm 2019, các vùng sản xuất cà phê chính ở Tây Nguyên phải trải qua thời tiết khô và nắng. Mùa mưa đến hơi chậm nhưng vẫn đủ để cây ra hoa và đậu quả tốt.

**II. Kế hoạch sản xuất và xuất khẩu cà phê trong tỉnh niên vụ 2019-2020:**

*Về sản xuất:* dự kiến diện tích cà phê niên vụ 2019-2020 là 203.063 ha, năng suất bình quân ước 25,44 tạ/ha, tổng sản lượng ước đạt khoảng 465.000 tấn. Quan điểm của tỉnh Đắk Lắk không tăng diện tích cà phê ngoài quy hoạch, tập trung chuyển đổi diện tích cà phê kém hiệu, không đảm bảo nguồn nước sang các loại cây trồng khác, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch tái canh cà phê đã được UBND tỉnh phê duyệt, nhằm nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

*Về xuất khẩu:* dự kiến số lượng cà phê xuất khẩu cà phê niên vụ 2019-2020 đạt 230.000 tấn, cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | Niên vụ 2019 - 2010 | **Số lượng (tấn)** |
| 01 | Quý 4 năm 2019 | 40.000 |
| 02 | Quý 1 năm 2020 | 70.000 |
| 03 | Quý 2 năm 2020 | 65.000 |
| 04 | Quý 3 năm 2020 | 55.000 |
|  | Tổng cộng | **230.000** |

###### C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

# I. Một số giải pháp:

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 3540/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Kế hoạch tái canh cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018-2010.

2. Xây dựng tại các vùng sản xuất cà phê theo chỉ dẫn địa lý, vùng sản xuất cà phê của đồng bào dân tộc thiểu số: Các mô hình tái canh áp dụng biện pháp sinh học tổng hợp, mô hình sản xuất cà phê tiết kiệm nước gắn với công nghệ thâm canh cao, mô hình sản xuất cà phê sạch; Công nghệ thu hái và chế biến cà phê sau thu hoạch, ứng dụng các chế phẩm sinh học trong sản xuất và chế biến cà phê sạch nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu thông qua nâng cao nhận thức cho người sản xuất về vai trò của sản xuất cà phê bền vững đối với phát triển ngành hàng.

3. Trên cơ sở định hướng của phát triển cà phê của tỉnh, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý sản xuất cà phê bền vững: Xây dựng phần mềm quản lý và đào tạo nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai kế hoạch, kiểm tra giám sát sản xuất cà phê bền vững; lập bản đồ số lý lịch vườn cây, cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm về tình hình tái canh, cải tạo giống.

4. Hỗ trợ thực hiện liên kết phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thúc đẩy tập quán canh tác bền vững trong đó có chú ý đến các vấn đề giảm thiểu mức sử dụng nước tưới, phân bón, hoá chất, cải thiện cảnh quan nông nghiệp và bảo vệ tài nguyên tự nhiên.

5. Đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến công, khuyến công, cán bộ cơ sở về ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và xử lý môi trường; Tổ chức tập huấn cho các nông hộ quy trình trồng xen cây hồ tiêu, cây bơ và sầu riêng trong vườn cà phê vối theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

6. Tăng cường xúc tiến, mời gọi các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, đã và đang đầu tư các dự án chế biến cà phê chuyên sâu (chế biến tinh) tại Việt Nam như: Nestlé, Vinacafé Biên Hòa, NutiFood, Starbucks, Highland Coffee, Tập đoàn Neumann Kaffee Gruppe... đầu tư vào tỉnh thông qua các hội nghị, hội thảo mang tầm quốc gia, quốc tế; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại tại các hội chợ, triển lãm ở trong và ngoài nước.

7. Hỗ trợ kinh phí trong việc đăng ký bảo hộ thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột. Hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt thông tin giá cả, tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, kết nối và thúc đẩy hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước. Có chính sách hỗ trợ danh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu mới; tham gia các hội chợ chuyên ngành cà phê nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, xuất khẩu cà phê.

**II. Kiến nghị với cấp Bộ, ngành Trung ương, Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam:**

1. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh tiếp tục ưu tiên nguồn vốn cho các doanh nghiệp vay để thu mua kịp thời cà phê trong niên vụ 2019-2020, nhất là nguồn vốn vay để đầu tư tái canh cà phê, đầu tư máy móc thiết bị chế biến, hệ thống xử lý nước thải. Hỗ trợ lãi suất đối với vốn vay cho những doanh nghiệp đầu tư nhằm đổi mới trang thiết bị công nghệ.

2. Đề nghị Bộ Công Thương hàng năm hỗ trợ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia cho tỉnh Đắk Lắk để đẩy mạnh công tác xúc tiến, tìm kiếm thị trường, quảng bá sản phẩm cà phê nhất là sản phẩm cà phê có Chỉ dẫn địa lý “cà phê Buôn Ma Thuột”; hỗ trợ cho các doanh nghiệp cà phê của tỉnh đưa sản phẩm cà phê vào bán tại các siêu thị trong nước. Bên cạnh đó, đề hình thành các nhà máy chế biến gắn với vùng nguyên liệu đề nghị Bộ Công Thương xây dựng có chính sách giảm thuế cho các doanh nghiệp đầu tư chế biến tại Tây Nguyên./.

3. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ cho tỉnh xây dựng Đề án phát triển cà phê đặc sản tỉnh Đắk Lắk; Hỗ trợ nguồn kinh phí cho công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích cà phê không phù hợp, kém hiệu quả, thiếu nguồn nước sang các loại cây trồng khác.

4. Đề nghị Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam tiếp tục hỗ trợ Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột trong bảo hộ và phát triển thương hiệu, phát triển cà phê đặc sản Việt Nam. Xem xét trích nguồn thu phí xuất khẩu cà phê hỗ trợ cho Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột hoạt động.

Trên đây là báo cáo tổng kết đánh giá tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê niên vụ 2018-2019 và kế hoạch niên vụ 2019-2020./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận* :**  -Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: NN&PTNT,CT,  KH&ĐT,Tài chính, KH&CN;  - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  - Hiệp hội cà phê ca cao Việt Nam;  - TT. Tỉnh ủy. TT.HĐND tỉnh;  - Lãnh đạo UBND tỉnh;  - Các Sở: NN-PTNT, TN&MT, CT, TC, KH&ĐT, KH&CN, TT&TT;  - Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;  - Ngân hàng NN - CN Đắk Lắk;  - UBND các huyện, TX, TP;  - Các phòng: TH, NN&MT;  - Lưu: VT, TH, NN&MT, TCTM. | **CHỦ TỊCH** |